TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2020
"V/v Ly hôn giữa chị G và anh V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kiều G**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: tổ 8, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Phan Quốc V**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: tổ 8, ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị G có mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Kiều G trình bày: Chị và anh V tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T năm 2009. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã. Anh V không lo làm ăn, dùng dao dọa chém tôi nên mất hạnh phúc.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phan Q sinh ngày 15/11/2006, Phan Thị L, sinh ngày 30/4/2010 và Phan Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/8/2014, cháu L và cháu K hiện đang do chị G nuôi dưỡng, cháu Q đang sống cũng anh Việt.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị G xin được ly hôn với anh V. Con chung chị yêu cầu nuôi cháu L và cháu K, chị đồng ý giao cháu Q cho anh V nuôi dưỡng, anh V phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2020 và tại phiên tòa chị G vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh V. về con chung chị yêu cầu nuôi cháu L và cháu K, giao cháu Q cho anh V nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Phan Thị L và cháu Phan Nguyễn Duy K 1.000.000đồng/cháu.

- Tại tờ tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/3/2020 bị đơn anh Phan Quốc V trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị G về thời gian tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vào Mùng 6 tết âm lịch năm 2020 anh có đánh chị G vài bạt tay vì anh nói chuyện mà chị G không quan tâm, lo nhắn tin. Anh đã hối hận về việc này, anh hứa từ đây về sau sẽ không đánh vợ. Anh mong muốn chị G cho anh cơ hội để gia đình đoàn tựu.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có ba con chung tên Phan Q, sinh ngày 15/11/2006; hiện đang sống với anh; Phan Thị L, sinh ngày 30/4/2010 và Phan Duy K, sinh ngày 29/8/2014 hiện đang sống cùng chị G. Nếu tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Q, giao cháu L và cháu K cho chị G nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Quốc V được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V. Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều G tại phiên tòa chỉ yêu cầu bị đơn anh Phan Quốc V cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thị L và Phan Duy K mỗi tháng 1.000.000đồng/ tháng. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị G và anh V tiến đến hôn nhân năm 2005, đăng ký kết hôn năm 2009 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã thậm chí là đánh nhau, anh chị đã ly thân từ 2015 đến nay. Qua xác minh chính quyền địa phương xác định chị G đã về nhà cha mẹ ruột sống. Đối với anh V không đồng ý ly hôn với chị G nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị G. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị G được ly hôn với anh V là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có ba con chung tên Phan Q, sinh ngày 15/11/2006; hiện đang sống với anh V; Phan Thị L, sinh ngày 30/4/2010 và Phan Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/8/2014 hiện đang sống cùng chị G. Xét thấy con chung là cháu Phan Thị L và cháu Phan Nguyễn Duy K đang được chị G nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển bình thường và cháu L cũng có nguyện vọng được sống cùng chị G. Đối với cháu Phan Q hiện đang sống cùng anh V và cháu có nguyện vọng được ở với anh V nếu cha mẹ ly hôn. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao con chung là cháu Phan Thị L và cháu Phan Nguyễn Duy K cho chị Nguyễn Thị Kiều G nuôi dưỡng và giao cháu Phan Q cho anh Phan Quốc V nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị G yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu. Anh V cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu L và cháu K mỗi tháng 1.000.000đ/tháng và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi cháu C. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với con chung nên việc anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh V trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận; anh V phải chịu án phí phần nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều G.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kiều G được ly hôn với anh Phan Quốc V

2. Về con chung:

2.1. Tiếp tục giao hai con chung là cháu Phan Thị L, sinh ngày 30/4/2010 và cháu Phan Nguyễn Duy K, sinh ngày 29/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Kiều G nuôi dưỡng và giao cháu Phan Q, sinh ngày 15/11/2006 cho anh Phan Quốc V nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phan Quốc V phải cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/ con cho đến khi cháu Phan Thị L và Phan Nguyễn Duy K đủ 18 tuổi. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi cháu Q.

Anh V và chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp

luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều G phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003063 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

Anh Phan Quốc V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Bản án, quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

4.2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh V chậm thi hành đối với số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.3. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kiều G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với anh Phan Quốc V thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH